

Bản án số: 22/2017/DSPT

Ngày 05/9/2017

“V/v Tranh chấp mốc giới”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Biểu

Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Ông Trần Quốc Lập, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2017/DSPT ngày 23/5/2017 về việc tranh chấp mốc giới.

Do bản án bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DSST ngày 18 tháng 04 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TL bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1953

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1948

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Kế C, sinh năm 1944, ủy quyền cho bà Đoàn Thị T theo văn bản ủy quyền ngày 22/2/2016.

- Bà Trần Thị M, sinh năm 1956, ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân Đ theo văn bản ủy quyền ngày 16/8/2016.

Các đương sự đều trú tại: Thôn TM, xã NQ, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

- Ủy ban nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên, người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình P, Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.

5. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Xuân Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Đoàn Thị T trình bày: Năm 1980, gia đình bà cùng với gia đình ông Nguyễn Xuân Đ, ông Nguyễn Văn N và một số hộ khác được UBND xã NQ cấp đất giãn dân tại thôn TM, xã NQ. Thửa đất của gia đình bà được cấp có cạnh phía Nam dài 11,4m, cạnh phía Bắc dài 11m, cạnh phía Đông giáp đất ông Đ và cạnh phía Tây giáp đất ông N đều dài 40,7m và là một đường thẳng; diện tích đất 458m². Hai hộ ông Đ, ông N ở trên đất từ năm 1980, còn gia đình bà đến ở năm 1983. Trong quá trình sử dụng, nhiều lần ông Đ có hành vi lấn chiếm sang đất nhà bà ở cạnh phía Đông, chính quyền xã NQ đã giải quyết nhưng sau đó ông Đ lại tiếp tục lấn chiếm mốc giới. Năm 2012, ông Đ làm đơn khởi kiện bà ra Toà án nhân dân huyện TL vì cho rằng bà lấn chiếm mốc giới và xây móng nhà đè lên móng nhà của gia đình ông Đ. Toà án nhân dân huyện TL xét xử đã kết luận gia đình bà sử dụng đất đúng mốc giới, ngược lại phần mái ngói (giọt ranh) của bếp, công trình vệ sinh nhà ông Đ lấn sang nhà bà từ 15cm đến 44cm và buộc ông Đ phải tháo dỡ phần công trình lấn sang nhà bà. Khi Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm, bà đã rút yêu cầu buộc ông Đ phải tháo dỡ phần bếp, công trình vệ sinh nêu trên. Nhưng sau đó, vào khoảng tháng 9 năm 2015, ông Đ tiếp tục xây công trình phụ mới lấn chiếm mốc giới, phần mái của công trình chảy nước vào chuồng lợn nhà bà gây thiệt hại về kinh tế. Do đó, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện TL giải quyết buộc gia đình ông Đ phải tháo dỡ toàn bộ phần bếp, công trình phụ, nhà vệ sinh lấn sang đất nhà bà để trả lại nguyên trạng mốc giới đất giữa hai nhà là một đường thẳng.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân Đ trình bày: Năm 1978, gia đình ông cùng gia đình bà Đoàn Thị T, ông Nguyễn Văn N được UBND xã NQ cấp cho mỗi nhà 01 mảnh đất giãn cư tại thôn TM, xã NQ. Mảnh đất của gia đình ông được cấp có chiều rộng phía Bắc là 11,5m, phía Nam là 12m, hai cạnh Đông và Tây là một đường thẳng. Ngày 20/4/1996, gia đình ông đã được UBND huyện PT (cũ), nay là UBND huyện TL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 468 m² tại tờ bản đồ số 01 gồm hai thửa số 74 diện tích 268m² và thửa số 75 diện tích 200m². Sự việc tranh chấp mốc giới giữa gia đình ông và gia đình bà T xảy ra từ rất lâu rồi, chính quyền địa phương đã nhiều lần giải quyết nhưng sự việc vẫn chưa chấm dứt. Năm 2012, giữa hai gia đình tiếp tục xảy ra tranh chấp vì lý do móng nhà của bà T xây đè lên móng nhà của gia đình ông. Việc Toà án các cấp xác định phần mái công trình phụ của gia đình ông lấn sang đất của bà T là không có căn cứ và ông không chấp nhận các bản án này. Đến nay, bà T khởi kiện cho rằng ông xây công trình phụ lấn sang đất nhà bà T là không đúng vì gia đình ông xây công trình phụ hoàn toàn trong mốc cũi đất. Ông đề nghị Toà án về đo đạc, xác minh cụ thể tại thực địa. Nếu kết quả đo đạc chứng minh gia đình ông xây lấn sang nhà bà T thì ông sẵn sàng phá dỡ công trình trả lại đất cho bà T.

Xác minh tại UBND xã NQ thể hiện:

Theo sổ ghi chép đất đai năm 1980-1986, thửa đất hộ gia đình ông Đ có cạnh phía Đông, phía Tây đều dài 40,7m; cạnh phía Nam 11,5m, cạnh phía Bắc 11m, diện tích 455m². Thửa đất của hộ gia đình bà T có cạnh phía Đông, cạnh phía Tây đều dài 40,7m; cạnh phía Nam 11,4m; cạnh phía Bắc 11m, diện tích 464m².

Theo bản đồ đo vẽ năm 1992 và sổ mục kê năm 1992 thể hiện:

Hộ ông Đ tại tờ bản đồ số 01 gồm 2 thửa: Thửa 74 diện tích 268 m² (T) và thửa số 75 diện tích 200 m² (A), tổng là 468 m². Ngày 20/4/1996 hộ ông Đ đã được UBND huyện PT (cũ), nay là UBND huyện TL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 468 m² tại tờ bản đồ số 01 gồm hai thửa số 74 diện tích 268m² và thửa số 75 diện tích 200m².

Hộ bà T tại tờ bản đồ số 01 gồm 2 thửa: Thửa 71 diện tích 198 m² (A) và thửa số 73 diện tích 250 m² (T), tổng là 448 m². Ngày 20/4/1996 gia đình bà T đã được UBND huyện Phù Tiên (cũ), nay là UBND huyện TL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 458 m², trong đó có 200m² đất thổ cư và 258m² đất vườn. Tuy nhiên, tại sổ theo dõi đăng ký cấp GCNQSD đất thể hiện: Hộ bà T có quyền sử dụng 458m², trong đó có 200m² đất thổ cư, 50 m² đất vườn và 208 m² ao.

Ngày 7/9/2016, Toà án nhân huyện TL tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ phần diện tích đất tranh chấp giữa hai hộ. Tuy nhiên, cả bà T, ông Đ đều không nhất trí với kết quả thẩm định này và yêu cầu Toà án tiến hành thẩm định lại.

Ngày 03/1/2017, Tòa án và các cơ quan chức năng có liên quan của huyện TL đã tiến hành thẩm định tại chỗ lần 2 bằng phương pháp chằng dây, dùng quả dọi kết quả xác định phần công trình phụ, nhà vệ sinh phía Bắc của gia đình ông Nguyễn Xuân Đ lấn sang đất của gia đình bà Đoàn Thị T có tổng diện tích là 1,87m². Phần mái Proximang chuồng lợn phía Bắc dài 9,1m của hộ bà T đưa ra phần đất trống của hộ ông Đ khoảng 5cm.

Tại buổi thẩm định ngày 03/1/2017, bà T có quan điểm không yêu cầu gia đình ông Đ phải tháo dỡ phần góc tường phía Bắc của 2 gian nhà ngang của hộ Đ nghiêng sang đất nhà bà 04cm. Đối với phần mái Proximang chuồng lợn của gia đình bà bị gió mưa đẩy xô sang nhà ông Đ 5cm, gia đình bà sẽ tự đẩy lên để không ảnh hưởng đến gia đình ông Đ. Ông Đ không nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và từ chối ký biên bản.

Ngày 14/2/2017, bà T có đơn trình báo về việc ông Đ có hành vi thay đổi hiện trạng phần đất và công trình phụ đang có tranh chấp mốc giới.

Ngày 17/3/2017, Toà án nhân dân huyện TL kết hợp với chính quyền địa phương xuống kiểm tra hiện trạng thấy ông Đ đã tháo dỡ toàn bộ phần mái Proximang của gian chuồng lợn dài 3m về phía Bắc trong sơ đồ ngày 3/1/2017; các phần còn lại vẫn giữ nguyên như biên bản thẩm định và sơ đồ kèm theo ngày 3/1/2017.

Tại bản dân sự sơ thẩm số 01/2017/DSST ngày 18/4/2017, Tòa án nhân dân huyện TL đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai; Điều 163; Điều 164; Điều 174; Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T, xác định mốc giới đất giữa hai gia đình bà Đoàn Thị T và ông Nguyễn Xuân Đ là một đường thẳng theo mốc giới đã được xác định tại các thửa đất số 74, 75 mang tên chủ sử dụng ông Đ và thửa 71, 73 mang tên chủ sử dụng bà Đoàn Thị T tại tờ bản đồ số 1, bản đồ địa chính xã NQ năm 1992.

Xác định phần công trình phụ, nhà vệ sinh phía Bắc của gia đình ông Nguyễn Xuân Đ lấn sang đất của gia đình bà Đoàn Thị T có tổng diện tích là 1,87m².

Xác định góc tường phía Bắc của hai gian nhà ngang của gia đình ông Nguyễn Xuân Đ nghiêng sang đất của gia đình bà Đoàn Thị T 4cm.

Buộc ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị M phải tháo dỡ phần công trình phụ có chiều dài 3,16m, chiều rộng đầu phía Nam 0,16m, chiều rộng đầu phía Bắc 0,27m, diện tích 0,68m² (ký hiệu S1); nhà vệ sinh có chiều dài 1,23m, chiều rộng đầu phía Nam 0,42m, chiều rộng đầu phía Bắc 0,5m, diện tích 0,57m² (ký hiệu S2); phần công trình phụ dài 3,0m, chiều rộng đầu phía Nam 0,2m, chiều rộng đầu phía Bắc 0,21m, diện tích 0,62m² (ký hiệu S3); tổng diện tích là 1,87m² đã xây dựng lấn sang đất của gia đình bà Đoàn Thị T để trả lại đất cho gia đình bà Đoàn Thị T theo mốc giới đã được xác định.

(Có sơ đồ cụ thể kèm theo).

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Đoàn Thị T không yêu cầu gia đình ông Nguyễn Xuân Đ phải tháo dỡ phần góc tường của hai gian nhà ngang phía Nam nghiêng sang đất gia đình bà T 4cm. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác.

Ngày 27/4/2017 ông Nguyễn Xuân Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông Đ đề nghị thẩm định lại diện tích đất tranh chấp bằng phương pháp thuê đo bằng máy chuyên dụng nhưng ông Đ không nộp tiền tạm ứng chi phí thuê đo đạc nên không thực hiện được.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, HĐXX phúc thẩm và thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về

đường lối giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc diện tích đất của hộ bà Đoàn Thị T và hộ ông Nguyễn Xuân Đ đều được UBND xã NQ cấp đất giãn cư từ năm 1980.

Theo sổ ghi chép đất đai năm 1980-1986, thì thửa đất hộ bà T có cạnh phía Đông (giáp đất ông Đ), cạnh phía Tây (giáp đất hộ ông N) đều dài 40,7m; cạnh phía Nam giáp đường liên thôn dài 11,4m; cạnh phía Bắc giáp đất tập thể dài 11m. Ngày 20/4/1996 gia đình bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 458 m², trong đó các cạnh phía Tây và phía Đông là 40,7m và cạnh phía Nam là 11,4m, cạnh phía Bắc là 11m. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/1/2017 thể hiện thửa đất hộ bà T có cạnh phía Đông và cạnh phía Tây kéo thẳng vẫn đủ 40,7 m; cạnh phía Nam đủ 11,4m; cạnh phía Bắc đủ 11m. Tuy nhiên đường ranh giới chung giữa đất hộ bà T với đất hộ ông Đ trước là một đường thẳng nay có một số vị trí biến dạng, tạo thành đường gấp khúc.

Theo sổ ghi chép đất đai năm 1980 – 1986 thì thửa đất hộ ông Đ có các cạnh phía Đông (giáp nương tập thể) và cạnh phía Tây (giáp đất hộ bà T) đều là 40,7m; cạnh phía Nam dài 11,5 m, cạnh phía Bắc dài 11 m và diện tích là 258m². Ngày 20/4/1996 gia đình ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 468m², trong đó cạnh phía Đông dài 39,8m; cạnh phía Tây dài 40,2m; cạnh phía Nam là 11,5m và cạnh phía Bắc là 12m. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/1/2017 thể hiện thửa đất hộ ông Đ có cạnh phía Đông dài 39,8m và cạnh phía Tây dài 40,2 m; cạnh phía Nam dài 12,1m; cạnh phía Bắc dài 12,47m và diện tích đo thực tế là 491,4m².

[2] Tiến hành căng dây nối điểm mốc phía Bắc với điểm mốc phía Nam trên đường ranh giới chung giữa đất hộ ông Đ và hộ bà T và dùng quả dọi, dọi trực tiếp xuống mặt đất tại 6 điểm sau khi tháo dỡ phần mái công trình phụ của ông Đ tại các vị trí quả dọi tiếp giáp được kết quả như sau:

* Điểm dọi thứ nhất cách góc tường nhà ngang nhà ông Đ về phía Tây là 12cm và vào trụ tường hộ bà T 0,05m (5cm).

* Điểm dọi thứ 2 cách điểm dọi thứ nhất 7,2m vào mép tường 2 gian nhà ngang hộ ông Đ là 4cm

* Điểm dọi thứ 3 cách điểm dọi thứ 2 là 9,4m. Đo từ chân móng công trình phụ phía Bắc nhà ông Đ đến quả dọi là 16cm.

* Điểm dọi thứ 4 cách điểm dọi thứ 3 là 3,16cm. Đo từ chân móng bếp của hộ ông Đ đến điểm dọi thứ 4 là 27cm; đo từ chân móng của nhà vệ sinh đến điểm dọi thứ 4 là 42cm

* Điểm dọi thứ 5 cách điểm dọi thứ 4 là 1,23m. Đo từ móng nhà vệ sinh đến điểm dọi thứ 5 là 50cm. Đo từ chân móng bếp phía Bắc đến điểm dọi thứ 5 là 20cm.

* Điểm dọi thứ 6 cách điểm dọi thứ 5 là 3m. Đo từ chân móng bếp phía Bắc đến điểm dọi thứ 6 là 21cm.

Kết quả thẩm định thể hiện: Tại vị trí điểm dọi thứ 2 phần góc tường phía Bắc của 2 gian nhà ngang hộ ông Đ nghiêng sang đất nhà bà T khoảng 0,04m. Tại vị trí điểm dọi thứ 3 chân móng công trình phụ nhà ông Đ lấn sang đất nhà bà T là 0,16m. Vị trí điểm dọi thứ 4 chân móng công trình phụ nhà ông Đ xây lấn sang đất bà T là 0,27m và chân móng nhà vệ sinh của nhà ông Đ xây lấn sang đất hộ bà T là 0,42m. Tại vị trí điểm dọi thứ 5 chân móng nhà vệ sinh hộ ông Đ xây sang đất hộ bà T là 0,50m và chân móng chuồng lợn hộ ông Đ xây lấn sang đất hộ bà T là 0,2m. Tại vị trí điểm dọi thứ 6 phần chân móng chuồng lợn hộ ông Đ xây lấn sang đất hộ bà T là 0,21m. Diện tích công trình phụ và nhà vệ sinh của hộ ông Đ tại các vị trí điểm dọi 3, 4, 5, 6 trên sơ đồ ký hiệu là S1, S2 và S3 xây lấn sang đất hộ bà T là 1,87m².

Vì vậy, đường ranh giới chung giữa đất hộ ông Đ và hộ bà T trước đây là một đường thẳng, nhưng do hộ ông Đ xây dựng công trình phụ và nhà vệ sinh lấn sang đất hộ bà T nên hiện tại đường ranh giới chung giữa 2 hộ trở thành đường gấp khúc (có sơ đồ kèm theo). Do đó, cạnh phía Nam của hộ bà T vẫn đủ 11,4m và cạnh phía Bắc vẫn đủ 11m nhưng do ranh giới cạnh giáp ranh giữa đất hộ bà T với đất hộ ông Đ tạo thành đường gấp khúc nên hộ bà T bị thiếu 1,87m² đất.

[3] Ông Đ cho rằng, cần phải xác định cạnh giáp ranh giữa đất hộ ông N (cạnh phía Đông) với đất hộ bà T (cạnh phía Tây) để xác định hộ ông N có lấn sang đất hộ bà T hay không. Quá trình thẩm định Tòa án cấp sơ thẩm đã khai quật được điểm mốc phía Nam giữa đất hộ ông N và đất hộ bà T được chôn bằng một đoạn cọc sắt từ năm 1980 và giữa 2 gia đình ông N và bà T đã xây tường bao thẳng với mốc cọc sắt. Do đó, không có căn cứ để xác định hộ ông N lấn sang đất hộ bà T như sự suy đoán của ông Đ. Việc hộ bà T thiếu đất và ranh giới giữa đất hộ bà T và hộ ông Đ bị biến dạng từ đường thẳng thành đường gấp khúc là do hộ ông Đ xây công trình phụ và nhà vệ sinh lấn sang đất của hộ bà T như đã phân tích ở trên.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của bà T buộc gia đình ông Đ phải tháo dỡ phần công trình phụ và nhà vệ sinh phía xây lấn sang nhà đất hộ bà T là 1,87m² là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông Đ không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Ông Đ kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân Đ; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DSST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện TL, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất như sau:

Căn cứ: Điều 203 Luật đất đai. Điều 163, Điều 164, Điều 174, Điều 175, Điều 176 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T, xác định mốc giới đất giữa hộ gia đình bà Đoàn Thị T với hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Đ là một đường thẳng, theo mốc giới đã được xác định tại các thửa đất số 74, 75 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Xuân Đ và thửa đất số 71, 73 mang tên chủ sử dụng bà Đoàn Thị T tại tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã NQ năm 1992.

Xác định phần công trình phụ, nhà vệ sinh phía Bắc của gia đình ông Nguyễn Xuân Đ xây lấn sang đất của gia đình bà Đoàn Thị T là 1,87m².

Xác định góc tường phía Bắc của hai gian nhà ngang của gia đình ông Nguyễn Xuân Đ nghiêng sang đất của gia đình bà Đoàn Thị T 4cm.

Buộc ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị Mỹ phải tháo dỡ phần công trình phụ, nhà vệ sinh xây lấn qua đường ranh giới chung giữa đất hộ gia đình bà T và đất hộ gia đình ông Đ là 1,87m² để trả lại đất cho gia đình bà T theo mốc giới đã được xác định.

Cụ thể diện tích công trình phụ, nhà vệ sinh của gia đình ông Đ xây lấn sang đất của gia đình bà T như sau: Phần công trình phụ có chiều dài 3,16m, chiều rộng đầu phía Nam 0,16m, chiều rộng đầu phía Bắc 0,27m, diện tích 0,68m² (ký hiệu S1); nhà vệ sinh có chiều dài 1,23m, chiều rộng đầu phía Nam 0,42m, chiều rộng đầu phía Bắc 0,5m, diện tích 0,57m² (ký hiệu S2); phần công trình phụ dài 3,0m, chiều rộng đầu phía Nam 0,2m, chiều rộng đầu phía Bắc 0,21m, diện tích 0,62m² (ký hiệu S3). Có sơ đồ kèm theo.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Đoàn Thị T không yêu cầu gia đình ông Nguyễn Xuân Đ phải tháo dỡ phần góc tường của hai gian nhà ngang phía Nam nghiêng sang đất gia đình bà T 4cm.

2- Về án phí: Ông Nguyễn Xuân Đ kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Đ đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 004051 ngày 27/4/2017 của Chi cục THADS huyện TL.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện TL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Quốc Huy